

Bản án số: 80/2022/DS-ST
Ngày 30-12-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng
Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Lê Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH mua bán nợ G

Trụ sở: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà PVL Linh Tây Tower, số 5 đường D1, phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Lê Văn M** (*Theo giấy ủy quyền số 128/2022/UQ-LGL ngày 20 tháng 6 năm 2022*); Địa chỉ: K404/14 Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 37/1 Hà Huy Tập, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V ; Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà REE Tower, Số 9, Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 23.01.2019, ông Đỗ Văn S có ký Hợp đồng tín dụng số 20190123-0007678 với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, nay là Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB SMBC)

vay số tiền 68.364.000 đồng với lãi suất 3.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Sơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 130.979.743 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng: 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 3.574.000 đồng, tháng cuối cùng 5.889.743 đồng; bắt đầu từ 01.3.2019.

Thực hiện hợp đồng khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho VPB SMBC 06 lần với tổng số tiền đã trả 72.930.000 đồng, kể từ ngày 05.9.2019 đến nay, ông Sơn không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Ngày 28.5.2021, khoản nợ của ông Sơn đã được VPB SMBC chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua bán nợ G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC- G -21-0007.

Do ông Sơn trễ hạn thanh toán nên Công ty TNHH Mua bán nợ G khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Sơn trả cho Công ty tổng số tiền là 58.049.743 đồng, trong đó: Nợ gốc 43.154.843 đồng và nợ lãi 14.894.900 đồng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 23.11.2022, Công ty TNHH Mua bán nợ G và ông Đỗ Văn S đã thỏa thuận số tiền dư nợ của ông Sơn hiện còn là 11.356.895 đồng, trong đó: Nợ gốc 9.211.885 đồng và nợ lãi tính từ ngày 28.6.2019 đến hết ngày 03.9.2019 là 2.145.010 đồng. Ngoài ra, Công ty không yêu cầu ông Sơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn S phải thanh toán tổng số tiền nêu trên và thanh toán dứt điểm một lần. Công ty TNHH Mua bán nợ G xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 46.692.848 đồng.

*** Theo các bản tự khai, tại các phiên hòa giải, bị đơn ông Đỗ Văn S trình bày:**

Ông Đỗ Văn S thừa nhận, ngày 23.01.2019, ông Sơn có ký Hợp đồng tín dụng số 20190123-0007678 với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, nay là Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB SMBC) vay số tiền 68.364.000 đồng với lãi suất 3.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Sơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 130.979.743 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng: 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 3.574.000 đồng, tháng cuối cùng 5.889.743 đồng; bắt đầu từ 01.3.2019.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn S cho rằng đã thanh toán trước 05 tháng cho Ngân hàng số tiền khoảng 18.000.000 đồng và sau đó đã thanh toán số tiền còn lại để thanh lý hợp đồng nên ông Sơn không còn nợ Ngân hàng bất cứ khoản nào nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện đã thanh toán toàn bộ tiền vay và đã thanh lý hợp đồng với Ngân hàng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 23.11.2022, ông Đỗ Văn S thừa nhận còn nợ của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (nay đã bán số dư nợ của ông cho Công ty TNHH Mua bán nợ G) số tiền 11.356.895 đồng, trong đó: Nợ gốc 9.211.885 đồng và nợ lãi tính từ ngày 28.6.2019 đến hết ngày 03.9.2019 là 2.145.010 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ảnh hưởng của dịch Covid nên ông

Sơn không có khả năng trả một lần cho Công ty TNHH Mua bán nợ G nên ông Sơn xin khi nào đi làm có tiền thì mới trả toàn bộ số tiền trên.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ G đối với ông Đỗ Văn S .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ G đối với bị đơn ông Đỗ Văn S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đỗ Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ G thì thấy:

Ông Đỗ Văn S có ký với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, nay là Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB SMBC) 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20190123-0007678 ngày 23.01.2019 vay số tiền 68.364.000 đồng với lãi suất 3.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Ông Sơn có trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 130.979.743 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng: 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 3.574.000 đồng, tháng cuối cùng 5.889.743 đồng; bắt đầu từ 01.3.2019.

Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20190123-0007678 ngày 23.01.2019 được ký kết giữa VPB SMBC và ông Đỗ Văn S thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng và quá trình giải quyết vụ án, ông Sơn thừa nhận đã thanh toán cho VPB SMBC 06 lần với tổng số tiền đã trả 72.930.000 đồng. Kể từ ngày 05.9.2019 đến nay, ông Sơn không thanh toán thêm bất cứ khoản nào mặc dù đã được Công ty nhắc nhở, làm việc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay.

Ngày 28.5.2021, khoản dư nợ của ông Sơn đã được VPB SMBC chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua bán nợ G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-G -21-0007 nên Công ty TNHH Mua bán nợ G là chủ sở hữu và có quyền khởi kiện. Tại đơn khởi kiện, Công ty TNHH Mua bán nợ G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Sơn phải thanh toán tổng số tiền 58.049.743 đồng, trong đó: Nợ gốc 43.154.843 đồng và nợ lãi 14.894.900 đồng. Ngày 23.11.2022, ông Sơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất xác nhận khoản dư nợ của ông Sơn tại Công ty TNHH Mua bán nợ G là 11.356.895 đồng, trong đó: Nợ gốc 9.211.885 đồng, nợ lãi tính từ ngày 28.6.2019 đến hết ngày 03.9.2019 là 2.145.010 đồng và Công ty xác nhận không yêu cầu ông Sơn phải trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã lý kết. Nguyên đơn xin rút số tiền khởi kiện là 46.692.848 đồng, chỉ yêu cầu ông Sơn thanh toán số tiền 11.356.895 đồng bao gồm gốc và lãi. Ông Sơn xin khi nào đi làm có tiền thì mới trả toàn bộ số tiền trên nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Mua bán nợ G đồng ý và yêu cầu ông Sơn phải trả dứt điểm một lần số tiền 11.356.895 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ G về việc buộc ông Sơn phải thanh toán tổng số tiền còn nợ là 11.356.895 đồng, trong đó: Nợ gốc 9.211.885 đồng, nợ lãi tính từ ngày 28.6.2019 đến hết ngày 03.9.2019 là 2.145.010 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*” của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về nợ gốc, lãi:

Trong đơn khởi kiện cũng như trong lời khai ban đầu nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ G yêu cầu ông Đỗ Văn S trả số tiền nợ gốc, lãi là 58.049.743 đồng. Tuy nhiên, tại đơn trình bày gửi Tòa án ngày 23.11.2022 nguyên đơn chỉ yêu cầu trả nợ gốc, lãi là 11.356.895 đồng. Việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, căn cứ vào điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả số tiền 58.049.743 đồng - 11.356.895 đồng = 46.692.848 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH Mua bán nợ G được chấp nhận nên ông Sơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*” của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Công ty TNHH Mua bán nợ G đối với ông Đỗ Văn S .

Tuyên xử:

1. Buộc ông Đỗ Văn S phải thanh toán cho Công ty TNHH Mua bán nợ G tổng số tiền 11.356.895 đồng. (*Mười một triệu, hai trăm sáu mươi sáu ngàn, chín trăm tám mươi lăm đồng*), trong đó: Nợ gốc 9.211.885 đồng và nợ lãi 2.145.010 đồng. Công ty TNHH Mua bán nợ G không yêu cầu ông Sơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 20190123-0007678 ngày 23.01.2019.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu số tiền 46.692.848 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi hai ngàn, tám trăm bốn mươi tám đồng*) của Công ty TNHH mua bán nợ G

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 567.844 đồng (*Năm trăm sáu mươi bảy ngàn, tám trăm bốn mươi bốn đồng*) ông Đỗ Văn S phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.451.243 đồng (*Một triệu, bốn trăm năm mươi một ngàn, hai trăm bốn mươi ba đồng*) cho Công ty TNHH Mua bán nợ G đã nộp theo biên lai thu số theo biên lai thu số 0002841 ngày 29.6.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Thanh Khê;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hồng Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

